

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2009**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Xuân Thắng	Chủ tịch
Ông Cao Tùng Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2009)
Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 8 năm 2009)
Ông Bùi Quang Hưng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 8 năm 2009)
Ông Từ Cường	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2009)
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2009)
Ông Phạm Đăng Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2009)
Ông Nguyễn Đức Hòa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2009)
Ông Phạm Thành Vinh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2009)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Đình Đức	Tổng Giám đốc
Ông Cao Tùng Sơn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2009)
Ông Ngô Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2009)
Ông Nguyễn Đức Hòa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2009)
Ông Phạm Thành Vinh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2009)
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 2 năm 2009)
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 1 năm 2009)
Ông Nguyễn Văn Tông	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 2 tháng 4 năm 2009)
Bà Chu Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2009)
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 12 năm 2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 2 tháng 3 năm 2010
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Số: *MS* /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

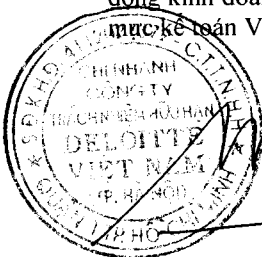
Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Trần Đình Nghi Hạ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 2 tháng 3 năm 2010
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦNLầu 3 Số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		3.866.941.356.360	2.692.502.473.588
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.906.125.166.959	942.714.032.012
1. Tiền	111		170.207.749.959	377.682.920.901
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.735.917.417.000	565.031.111.111
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		115.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	115.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		191.371.460.791	573.160.539.397
1. Phải thu của khách hàng	131		41.335.062.795	510.247.025.556
2. Trả trước cho người bán	132		83.320.019.604	44.679.499.799
3. Các khoản phải thu khác	135		66.838.424.756	18.234.014.042
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(122.046.364)	-
IV. Hàng tồn kho	140	7	569.253.465.178	1.111.308.774.968
1. Hàng tồn kho	141		569.253.465.178	1.745.083.357.015
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(633.774.582.047)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		85.191.263.432	65.319.127.211
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.202.490.267	7.745.648.304
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		50.576.158.960	47.830.387.092
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		128.316.487	1.173.687.501
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		28.284.297.718	8.569.404.314
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		2.484.260.740.715	2.499.869.838.369
I. Tài sản cố định	220		1.723.752.796.976	1.899.295.208.973
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	933.331.955.781	1.682.719.544.377
- Nguyên giá	222		5.674.037.648.308	5.414.642.652.715
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.740.705.692.527)	(3.731.923.108.338)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	85.445.544.216	52.956.627.284
- Nguyên giá	228		234.588.206.555	173.060.462.521
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(149.142.662.339)	(120.103.835.237)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	704.975.296.979	163.619.037.312
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		453.146.885.327	205.536.189.207
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	33.651.833.567	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	419.495.051.760	205.536.189.207
III. Tài sản dài hạn khác	260		307.361.058.412	395.038.440.189
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	303.975.507.545	387.207.005.193
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.424.578.256	6.996.279.876
3. Tài sản dài hạn khác	268		960.972.611	835.155.120
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		6.351.202.097.075	5.192.372.311.957

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		794.323.265.405	450.947.381.194
I. Nợ ngắn hạn	310		565.622.460.761	438.629.021.098
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	28.046.846.375	4.021.115.000
2. Phải trả cho người bán	312		212.392.865.643	204.924.151.695
3. Người mua trả tiền trước	313		41.762.405.203	55.018.091.126
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	119.207.426.978	16.442.465.388
5. Phải trả người lao động	315		41.033.955.112	35.928.528.647
6. Chi phí phải trả	316	17	102.120.131.696	86.331.022.045
7. Phải trả nội bộ	317		5.842.233.321	7.482.863.650
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	15.216.596.433	28.480.783.547
II. Nợ dài hạn	330		228.700.804.644	12.318.360.096
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.302.414.109	90.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	19	216.974.174.175	3.049.051.188
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		10.424.216.360	9.179.308.908
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		5.535.404.355.059	4.719.423.149.172
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	5.487.903.530.694	4.687.778.303.849
1. Vốn điều lệ	411		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		209.233.309	-
3. Cổ phiếu quỹ	414		(43.296.089.299)	(35.052.843.575)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.915.614.125)	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		302.757.044.494	87.293.327.821
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		201.745.548.833	58.195.551.881
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		229.923.506	-
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.228.173.483.976	777.342.267.722
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		47.500.824.365	31.644.845.323
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		47.500.824.365	31.644.845.323
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		21.474.476.611	22.001.781.591
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		6.351.202.097.075	5.192.372.311.957



Nguyễn Văn Tông
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 2 tháng 3 năm 2010

Ullay
 Huỳnh Kim Nhân
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2009	2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		6.673.931.326.245	6.493.484.619.459
2. Các khoản giảm trừ	02		43.870.483.498	18.116.840.523
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	21		6.630.060.842.747	6.475.367.778.936
4. Giá vốn hàng bán	11	21	4.644.816.371.488	4.624.124.347.875
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.985.244.471.259	1.851.243.431.061
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	181.197.706.742	143.126.641.895
7. Chi phí tài chính	22	22	80.671.774.691	53.579.752.857
8. Chi phí bán hàng	24		293.839.472.451	224.595.494.856
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		285.306.226.584	221.330.110.229
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		1.506.624.704.275	1.494.864.715.014
11. Thu nhập khác	31		19.592.149.261	6.754.446.249
12. Chi phí khác	32		9.165.362.392	746.247.368
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		10.426.786.869	6.008.198.881
14. Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	45		2.651.833.567	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		1.519.703.324.711	1.500.872.913.895
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		163.847.740.850	122.577.274.515
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		4.571.701.620	(6.996.279.876)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.351.283.882.241	1.385.291.919.256
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		2.979.759.801	1.411.781.591
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		1.348.304.122.440	1.383.880.137.665
21. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	3.557	3.646



Nguyễn Văn Tông
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 2 tháng 3 năm 2010

Huỳnh Kim Nhân
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦNLầu 3 Số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

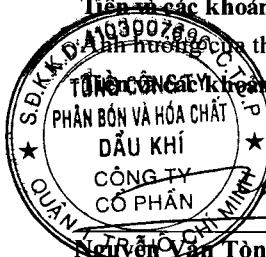
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2009	2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.519.703.324.711	1.500.872.913.895
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.038.124.867.525	1.079.409.545.754
Các khoản dự phòng	03	(633.652.535.683)	633.774.582.047
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	3.440.803.744	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(173.124.399.249)	(138.844.088.874)
Chi phí lãi vay	06	15.593.584.232	30.989.544.667
	08	1.770.085.645.280	3.106.202.497.489
3. Lưu chuyển tiền thuần trước thay đổi vốn lưu động			
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	395.448.673.742	(581.225.411.075)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	1.175.829.891.837	(1.344.385.453.866)
(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp)	11	(117.518.950.081)	(340.069.461.163)
Giảm chi phí trả trước và tài sản khác	12	65.189.928.397	40.566.768.955
Lãi vay đã trả	13	(15.568.240.432)	(30.989.544.667)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(50.936.978.402)	(118.279.735.465)
Thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	143.801.699
Chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(67.364.056.704)	(58.103.400.456)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.155.165.913.637	673.860.061.451
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(759.341.248.206)	(116.473.217.460)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(135.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi các khoản đầu tư	24	30.000.000.000	-
4. Chi đầu tư dài hạn	25	(253.761.002.553)	(179.031.806.286)
5. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	155.537.789.732	123.830.369.382
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(962.564.461.027)	(171.674.654.364)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu do nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	20.590.000.000
2. Mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(8.243.245.724)	(35.052.843.575)
3. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.140.999.781.645	17.157.321.716
4. Trả nợ gốc vay	34	(906.489.731.027)	(590.191.155.528)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(453.518.327.036)	(944.326.697.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(227.251.522.142)	(1.531.823.374.387)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.965.349.930.468	(1.029.637.967.300)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	942.714.032.012	1.972.351.999.312
Đổi tỷ giá hối đoái của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(1.938.795.521)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	2.906.125.166.959	942.714.032.012



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 2 tháng 3 năm 2010

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi ngày 15 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2008.

Công ty mẹ của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, nắm giữ 61,37% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 1.666 người (năm 2008: 1.475 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) bao gồm sản xuất và kinh doanh phân đạm, ammoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác; các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Sản xuất kinh doanh điện; Kinh doanh bất động sản, mua bán hàng nông lâm sản, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản và đào tạo nghề.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC qui định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.